Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT NGHỊ:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Năm 2025 tiếp tục chứng kiến sự chuyển biến nhanh chóng và phức tạp của cục diện thế giới, với xu hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng, phân mảnh và phân tuyến mạnh. Mặc dù toàn cầu hóa và liên kết kinh tế vẫn tiến triển, song tiến trình này đang đối diện với những thách thức và khó khăn lớn, trong đó phải kể đến sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ, việc áp đặt các chính sách thuế quan và nguy cơ chiến tranh thương mại gia tăng. Điều này dẫn đến xu hướng điều chỉnh mạnh mẽ các chuỗi sản xuất và chuỗi cung ứng trên phạm vi toàn cầu.

Ở trong nước, những quyết sách chiến lược mang tính đột phá, như đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển kinh tế nhà nước; hội nhập quốc tế; phát triển giáo dục, đào tạo; chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa... và cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị[1] đã và đang mở ra một cơ hội lịch sử, bước ngoặt cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên mới. Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cũng đã chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt nhằm thúc đẩy phục hồi và

[1] Trọng tâm là sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn 34 tỉnh, thành phố và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

phát triển kinh tế, củng cố niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp, trọng tâm là thực hiện 3 đột phá chiến lược; trong đó, chú trọng hoàn thiện, đồng bộ pháp luật; đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Nhờ đó, kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, tăng trưởng kinh tế đạt mức cao so với khu vực và thế giới, đầu tư phát triển đạt kết quả tích cực.... Các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2025 về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cơ bản đã hoàn thành, một số chỉ tiêu đạt, vượt kế hoạch đề ra[2]. Trong đó, một số chỉ tiêu về chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính đạt kết quả nổi bật[3]. Những thành tựu đạt được đã góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời là nền tảng vững chắc, tạo điều kiện quan trọng để nước ta tiếp tục vươn mình, khẳng định vị thế trong kỷ nguyên mới. Một số chỉ tiêu thể hiện mức độ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia của nước ta trong năm 2025 được các tổ chức quốc tế lớn, có uy tín đánh giá cao[4]. Môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam đang thể hiện xu hướng thay đổi tích cực đáng kể, có nhiều đột phá trong một số lĩnh vực, đặc biệt là khung pháp lý, đổi mới sáng tạo và Chính phủ số, tạo nền tảng tốt cho tăng trưởng dài hạn. Những đột phá này củng cố niềm tin và chứng minh hiệu quả của các nỗ lực cải cách gần đây của Chính phủ.

---

[2] Tính chung trong cả năm 2025, tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường sẽ đạt 297.474 doanh nghiệp, tăng 27,4% so với năm trước. Trong đó, toàn quốc dự kiến ghi nhận 195.147 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (tăng 24.1% so với cùng kỳ năm 2024, vượt 14.1% so với mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết 02/NQ-CP năm 2025) và 102.237 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2024). Số vốn đăng ký tăng thêm của doanh nghiệp đang hoạt động là 4.433.162 tỷ đồng, tăng 118,3% so với cùng kỳ năm 2024, đưa tổng số vốn bổ sung vào nền kinh tế đạt 6.352.347 tỷ đồng, tăng 77,8% so với cùng kỳ năm 2024.

[3] Bao gồm: (i) Đã triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm "một cửa số" tập trung, duy nhất quốc gia. Đến hết tháng 12 năm 2025, các địa phương đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 1.132/1.167 TTHC (chiếm 97,1%). Trong đó, có 10 địa phương đạt tỷ lệ 100%, 24 địa phương đạt tỷ lệ từ 90% trở lên; (ii) Tính trong năm 2025, các bộ, cơ quan đã quy định mới 825 TTHC, sửa đổi, bổ sung 2.632 TTHC và bãi bỏ 1.037 TTHC thuộc phạm vi quản lý; các địa phương đã quy định mới 290 TTHC, sửa đổi, bổ sung 505 THTC và bãi bỏ 428 TTHC thuộc thẩm quyền. (iii) Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ theo thẩm quyền đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa dự kiến 3.085/4.888 TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (đạt 63,1%); cắt giảm 2.371/6.974 ĐKKD thuộc ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (đạt 33,9%); thời gian giải quyết TTHC dự kiến cắt giảm là 29.308 ngày/89.721 ngày (đạt 32,7%) và cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC khoảng 48,6/120 nghìn tỷ đồng/năm (đạt 40,5%)....

[4] Theo đánh giá tại Báo cáo mức độ sẵn sàng hoạt động kinh doanh (Business Ready 2025), do Ngân hàng Thế giới công bố, kết quả cho thấy Việt Nam có điểm trung bình là 63,8 điểm, xếp thứ 42/101, phản ánh môi trường kinh doanh tương đối thuận lợi, cụ thể: trụ cột khung pháp lý đạt 67,03 điểm, cao hơn nhiều so với nhiều nước có thu nhập thấp và trung bình và trụ cột hiệu quả hoạt động đạt 70,44, đứng trong nhóm phân vị cao nhất (top 20%). Về các chỉ số thành phần của Chỉ số Năng lực Đổi mới sáng tạo năm 2025, có 03 chỉ số Việt Nam đứng đầu thế giới là Nhập khẩu công nghệ cao, Xuất khẩu công nghệ cao và Xuất khẩu hàng hóa sáng tạo. Có 03 chỉ số thuộc nhóm 10 quốc gia dẫn đầu thế giới là Tốc độ tăng năng suất lao động (xếp hạng 4); Số lượng ứng dụng điện thoại thông minh được tạo ra (xếp hạng 7) và Phần chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp trang trải/tổng chi (xếp hạng 8).

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, Việt Nam vẫn đối diện với những thách thức lớn liên quan đến sự phát triển bền vững và một số yếu tố nền tảng để phát triển như vốn, cơ sở hạ tầng... Một số chỉ số thành phần của Chỉ số Phát triển bền vững còn ở mức thấp và chậm được cải thiện, ảnh hưởng tới tăng trưởng dài hạn; khó khăn trong tiếp cận vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh và phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng hỗ trợ cho phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số chưa đáp ứng được nhu cầu; hệ sinh thái hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo chưa đủ mạnh,... Thời gian qua, thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh được quan tâm cắt giảm, đơn giản hóa nhưng vẫn còn phức tạp; dịch vụ công trực tuyến[5] đã được cải thiện, song vẫn chưa thật sự thuận lợi, thông suốt; kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu của một số cơ quan, đơn vị mới ở bước đầu, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".... Đây là các vấn đề cần chú trọng triển khai cải cách mạnh mẽ trong thời gian tới.

Trong bối cảnh dự báo năm 2026 với những thuận lợi và khó khăn đan xen, việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia vẫn là yêu cầu cấp thiết để củng cố niềm tin, tạo động lực mới cho doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi sự tiếp tục vào cuộc mạnh mẽ, thực chất và quyết liệt của các bộ, ngành, địa phương. Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xác định cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, cần ưu tiên tập trung để tháo gỡ khó khăn, loại bỏ các rào cản, khơi thông các điểm nghẽn về thể chế và thực thi, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bình đẳng tất cả các thành phần kinh tế cùng phát triển.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; nỗ lực, khẩn trương thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, thực chất các Nghị quyết, Kết luận của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, rõ ràng, nhất quán, dễ thực thi, chi phí thấp, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đồng bộ, toàn diện trên mọi lĩnh vực, từ cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, phát triển nền tảng số, đến tăng cường năng lực thực thi, tạo nền tảng cho các thành phần kinh tế cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; tiếp cận công bằng, công khai, minh bạch các nguồn lực, thị trường và cơ

[5] Theo số liệu do các bộ, địa phương đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tính đến hết năm 2025, kết quả thực hiện 04 chỉ tiêu Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công còn chưa đạt yêu cầu: cấp bộ có 04/04 chỉ tiêu chưa đạt; cấp địa phương có 02/04 chỉ tiêu đạt, 02/04 chỉ tiêu chưa đạt.

hội phát triển. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất mới, trọng tâm phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số, thân thiện với môi trường sinh thái.

Các giải pháp phải bảo đảm kế thừa những mục tiêu và thành tựu đã có, đồng thời phải phát triển mạnh mẽ với tinh thần năng động, sáng tạo để tạo ra sự khác biệt rõ rệt và nhất quán, phù hợp với xu thế phát triển mới với phương châm "thể chế thông thoáng, hạ tầng thông suốt, quản trị thông minh, cách làm thông dụng" nhằm giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển.

2. Kiên quyết chuyển đổi tư duy trong công tác xây dựng pháp luật từ "quản lý" sang "kiến tạo, phát triển", lấy người dân, doanh nghiệp là đối tượng phục vụ; nâng cao chất lượng xây dựng, tham mưu, ban hành văn bản pháp luật, sửa đổi đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để tháo gỡ triệt để các "điểm nghẽn", khuyến khích doanh nghiệp phát triển trong các lĩnh vực ưu tiên, bảo đảm nguyên tắc doanh nghiệp được làm những gì luật pháp không cấm, khuyến khích và bảo vệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, minh bạch và bảo vệ quyền kinh doanh, quyền tài sản của doanh nghiệp. Mạnh dạn đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách đột phá nhằm khơi thông mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển các doanh nghiệp Việt Nam, đưa thể chế từ "điểm nghẽn của điểm nghẽn" thành "lợi thế cạnh tranh quốc gia" và động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để gắn liền với cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao tính tự chủ và đề cao trách nhiệm giải trình nhằm phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đặc biệt, chuyển mạnh mẽ từ tư duy "quản lý" sang "kiến tạo và phục vụ", thay thế phương thức "tiền kiểm" bằng "hậu kiểm" dựa trên hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn rõ ràng. Đồng thời bảo đảm phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, các ngành và trong từng cơ quan, đơn vị, theo tiêu chí "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền, nhằm đạt được mục tiêu "3 dễ": dễ triển khai thực hiện, dễ kiểm tra, dễ đánh giá.

4. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả, thực chất trên tinh thần "3 có" và "2 không"; trong đó "3 có": có lợi ích của Nhà nước, có lợi ích của người dân, có lợi ích của doanh nghiệp và "2 không": không tham nhũng, tiêu cực; không để thất thoát, lãng phí tài sản, công sức, tiền bạc của Nhà nước và của Nhân dân.

5. Kết nối, huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và chuyên gia trong đóng góp ý tưởng, sáng kiến nhằm hoạch định, thực thi, đánh giá độc lập, khách quan đối với kết quả cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh phù hợp với bối cảnh trong nước và xu thế phát triển nhằm nâng cao vị thế của nước ta trên các bảng xếp hạng quốc tế. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, ổn định, giảm chi phí tuân thủ, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tập trung hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp đã được giao tại các văn bản, Nghị quyết đột phá của Đảng và Nhà nước trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước, đổi mới xây dựng, thi hành pháp luật và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Phấn đấu trong năm 2026, thứ hạng năng lực cạnh tranh theo khung đánh giá của quốc tế như sau:

+ Phát triển bền vững (SDG) của Liên hợp quốc (UN) phấn đấu thuộc Nhóm 50 nước đứng đầu.

+ Quyền tài sản (IPRI) của Liên minh Quyền tài sản (PRA) tăng ít nhất 3 bậc so với kỳ xếp hạng trước.

+ Năng lực Đổi mới sáng tạo (GII) của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) tăng ít nhất 1 bậc so với kỳ xếp hạng trước.

+ Phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) của UN tăng ít nhất 2 bậc so với kỳ xếp hạng trước.

+ An toàn thông tin mạng (GCI) của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) duy trì trong nhóm các quốc gia Bậc 1.

+ Hiệu quả logistics (LPI) của Ngân hàng thế giới (WB) tăng ít nhất 4 bậc so với kỳ xếp hạng trước.

+ Năng lực phát triển du lịch (TTDI) của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) tăng ít nhất 4 bậc so với kỳ xếp hạng trước.

- Cải thiện các chỉ số phản ánh cảm nhận của người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của chính quyền các cấp liên quan đến môi trường đầu tư kinh doanh trong nước như sau:

+ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Chỉ số PCI trung vị toàn quốc tăng 01 điểm;

+ Chỉ số cải cách hành chính (PAR index): Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân của cả nước đạt 84,7%; Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố bình quân cả nước đạt 88,87%;

+ Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS): Giá trị trung bình cả nước đạt 86%.

b) Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường; giảm tỷ lệ doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể). Số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường năm 2026 tăng khoảng 15-20% so với năm 2025; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường năm 2026 tăng khoảng 10% so với năm 2025.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

1. Triển khai một cách sâu sắc, toàn diện, quyết liệt những trụ cột thể chế nền tảng: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Việc thực hiện đồng bộ các quyết sách này nhằm tạo động lực mạnh mẽ đưa đất nước ta tiến lên trong kỷ nguyên mới, hiện thực hóa tầm nhìn Việt Nam phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

2. Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các chỉ đạo về sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; chủ động khắc phục hạn chế, vướng mắc trong vận hành chính quyền cấp xã.

3. Tăng cường trách nhiệm, tính chủ động, kịp thời của các bộ, cơ quan được phân công làm đầu mối theo dõi việc cải thiện các bộ chỉ số quốc tế (được nêu tại Phụ lục I của Nghị quyết này).

4. Thực hiện đầy đủ, nhất quán và hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại mục IV và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại Phụ lục II, III của Nghị quyết này để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026; trong đó chú trọng thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau đây:

a) Đẩy mạnh hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật để xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách; tháo gỡ dứt điểm các bất cập, điểm nghẽn về pháp lý. Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế.

b) Tiếp tục rà soát và nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Cắt giảm và chuẩn hóa các điều kiện kinh doanh đảm bảo tính hợp lý, minh bạch theo hướng chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm.

c) Cải cách quy định thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong đó, bên cạnh các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nêu tại Phụ lục II, III Nghị quyết này, các bộ, ngành, địa phương cần tập trung nguồn lực đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để tháo gỡ các rào cản, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị. Đổi mới toàn diện việc thực hiện thủ tục hành chính chuyển từ "bị động" sang "chủ động phục vụ", không phụ thuộc vào địa giới hành chính và hoàn toàn dựa trên dữ liệu; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tại các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân.

d) Ưu tiên khơi thông nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh và nguồn nhân lực chất lượng cao.

đ) Hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế nhà nước phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.

e) Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh. Xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ đầy đủ, chuyên nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh.

g) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra (bao gồm cả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa), giảm gánh nặng cho doanh nghiệp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Xác định cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên; trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết này.

b) Trước ngày 20 tháng 01 năm 2026, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản phân công triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đối với từng nhiệm vụ và đơn vị chủ trì thực hiện, gửi Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình, Kế hoạch thực hiện các nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh; đồng thời công khai các kết quả kiểm tra, giám sát. Phân công đơn vị làm đầu mối thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình cải thiện môi trường kinh doanh của bộ, ngành và địa phương.

d) Tổ chức các hoạt động truyền thông về nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

đ) Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách của doanh nghiệp, người dân. Chủ động, tích cực và thường xuyên phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp tổ chức hoạt động đối thoại để kịp thời nắm bắt các phản hồi chính sách; bảo đảm đối thoại thực chất, giải quyết ngay được những khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, đổi mới việc tiếp nhận thông tin và phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư để phòng ngừa các tranh chấp về thương mại và đầu tư.

e) Trước ngày 31 tháng 5 và ngày 30 tháng 11 năm 2026, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 6 tháng và cuối năm gửi Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ tháng 6 và cuối năm.

2. Các bộ, cơ quan được phân công làm đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi và đánh giá tình hình cải thiện các bộ chỉ số quốc tế, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi có công bố chính thức của các tổ chức quốc tế, có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xếp hạng của Việt Nam và đề xuất giải pháp cải thiện chỉ số, cụ thể như sau:

a) Bộ Tài chính theo dõi và đánh giá tình hình về cải thiện chỉ số SDG;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo dõi và đánh giá tình hình về cải thiện chỉ số IPRI;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá tình hình cải cách hành chính; theo dõi và đánh giá tình hình về cải thiện các chỉ số GII, EGDI;

d) Bộ Công an theo dõi đánh giá tình hình cải thiện chỉ số GCI;

đ) Bộ Công Thương theo dõi và đánh giá tình hình về cải thiện chỉ số LPI;

e) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi và đánh giá tình hình về cải thiện chỉ số TTDI.

3. Bộ Tài chính theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 và cuối năm.

4. Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ tăng cường phát huy vai trò tư vấn, đề xuất các sáng kiến cải cách về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân.

5. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò là tổ chức đại diện và thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, là cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp với các cơ quan của Chính phủ; chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và kiến nghị, đề xuất giải pháp; tiến hành khảo sát, công bố Chỉ số PCI, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp vào báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết.

6. Các hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng theo dõi, đánh giá độc lập, thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết.

7. Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan báo chí chủ động hỗ trợ các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Nghị quyết sâu rộng trong các ngành, các cấp và đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường sự theo dõi, giám sát của các cơ quan truyền thông, báo chí về kết quả thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các ngân hàng: Chính sách xã hội, Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN; Trợ lý, Thư ký TTg, PTTg; các Vụ, Cục, Công báo, TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (2). 15

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Phạm Minh Chính

Phụ lục I

BỘ, CƠ QUAN ĐẦU MỐI THEO DÕI CÁC BỘ CHỈ SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Bộ chỉ số	Bộ, cơ quan đầu mối theo dõi	Thời gian
I	**Bộ chỉ số xếp hạng quốc tế**		
1	Phát triển bền vững (SDG) của Liên hợp quốc (UN)	Bộ Tài chính	Theo thời gian công bố của các tổ chức quốc tế
2	Năng lực Đổi mới sáng tạo (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)	Bộ Khoa học và Công nghệ	
3	Chính phủ điện tử (EGDI) của UN		
4	An toàn an ninh mạng (GCI) của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU)	Bộ Công an	
5	Quyền tài sản (IPRI) của Liên minh quyền tài sản (PRA)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
6	Hiệu quả logistics (LPI) của Ngân hàng Thế giới (WB)	Bộ Công Thương	
7	Năng lực cạnh tranh du lịch (TTDI) của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
II	**Bộ chỉ số trong nước**		
1	Chỉ số cải cách hành chính (PAR index)	Bộ Nội vụ	Theo thời gian công bố
2	Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Bộ Nội vụ	
3	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)	

Phụ lục II

CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	Tối thiểu 80	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
4	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.	%	Tối thiểu 90	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp

Phụ lục III

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	**Đẩy mạnh hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật để xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách; tháo gỡ dứt điểm các bất cập, điểm nghẽn về pháp lý. Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế.**			
1	Trong phạm vi thẩm quyền, chủ động và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác nhau của các quy định pháp luật. Đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền thì tập hợp vấn đề kèm theo các giải pháp tương ứng (nếu có) để kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
2	Rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật; kịp thời tổng hợp nội dung báo cáo của các bộ, ngành, địa phương về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật, xác định các vướng mắc, điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ ở tầm luật để đề xuất Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, ban hành văn bản phù hợp, để xử lý ngay, xử lý hiệu quả các bất cập, vướng mắc pháp lý phát sinh trong thực tiễn, cản trở sự phát triển.	Bộ Tư pháp	Các bộ ngành, địa phương	Thường xuyên
3	Nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Bộ Tư pháp	Các bộ ngành, địa phương	Theo tiến độ của việc sửa đổi bổ sung Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Thực hiện cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong quá trình tra cứu, khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh.	Các bộ, ngành Trung ương		Thường xuyên
II	**Tiếp tục rà soát và nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Cắt giảm và chuẩn hóa các điều kiện kinh doanh đảm bảo tính hợp lý, minh bạch theo hướng chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm.**			
1	Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng: (i) Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, chồng chéo, không cần thiết, không khả thi, quy định chung chung, không cụ thể, khó xác định, khó dự đoán, và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng; (ii) Đối với các điều kiện kinh doanh (thuộc danh mục phải cấp phép, chứng nhận trước) chưa phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ; rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ, giấy phép, chứng nhận có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội; (iii) Đối với các điều kiện kinh doanh (quản lý theo phương thức hậu kiểm) phải đảm bảo khi tiến hành kiểm tra, không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp.	Các bộ, ngành Trung ương		Thường xuyên
2	Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý	Các bộ, ngành Trung ương		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	khác hiệu quả hơn. Trường hợp cần thiết đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải có báo cáo đánh giá tác động toàn diện.			
3	Cắt giảm, đơn giản hoá 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.	Các bộ, ngành Trung ương		Năm 2026
4	Thường xuyên rà soát, cập nhật ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; gửi Bộ Tài chính để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Các bộ, ngành Trung ương		Thường xuyên
III	**Cải cách quy định thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.**			
1	Tổ chức thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
2	Rà soát, sửa đổi các quy định không phù hợp với việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính và triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; rà soát, chuẩn hóa các kết quả giải quyết thủ tục hành chính; gắn mã số kết quả giải quyết đã chuẩn hóa với thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính làm cơ sở kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu, phục vụ cắt giảm hồ sơ, giấy tờ, bảo đảm chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
3	Hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ và 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các bộ, ngành, địa phương		Duy trì thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Tập trung xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo hướng một văn bản sửa nhiều văn bản.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
5	Tăng cường kiểm soát quy định thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động; bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
6	Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng thẩm định thủ tục hành chính, quy định kinh doanh tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.	Bộ Tư pháp, Tổ chức pháp chế thuộc bộ, Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên
7	Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.	Các bộ, ngành Trung ương		Năm 2026
8	Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và ưu tiên xây dựng, tích hợp, cung cấp các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ở mức độ toàn trình.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
9	Chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về tinh thần, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp; phê bình, xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	ngăn chặn, đẩy lùi, chấm dứt ngay tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức trong thực hiện thủ tục hành chính.			
10	Tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, cũng như trách nhiệm của cơ quan nhà nước chuyển từ nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ động, tận tụy giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp. Tuyên truyền để các doanh nghiệp không thao túng, trục lợi chính sách, lợi dụng, làm tha hóa cán bộ, công chức, đồng thời kiên quyết từ chối trả chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính và các hoạt động khác; phản ánh trung thực, kịp thời đến đường dây nóng của các bộ, ngành, địa phương trong trường hợp bị gây khó khăn.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
11	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính, nhất là ở cấp cơ sở; nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ trung ương tới địa phương phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.	Các bộ, ngành Trung ương		Thường xuyên
IV	**Ưu tiên khơi thông nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh và nguồn nhân lực chất lượng cao.**			
1	Tiếp tục rà soát, chuẩn hoá Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; ban hành các quy định về quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương, Bộ Công an	Năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
2	Kịp thời công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn; tích cực phối hợp với tổ chức chính trị, xã hội hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác giải phóng mặt bằng.	Các địa phương		Thường xuyên
3	Triệt để ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
4	Khẩn trương rà soát, thống nhất với Bộ Tài chính phương án xử lý đối với nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương để cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê phục vụ sản xuất, kinh doanh.	Các địa phương		Thường xuyên
5	Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh triển khai nâng cao khả năng tiếp cận vốn của người dân và doanh nghiệp.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Thường xuyên
6	Đẩy mạnh cơ chế chia sẻ thông tin giữa hệ thống ngân hàng, thuế và các cơ quan liên quan đảm bảo thống nhất dữ liệu về tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để tăng cường cho vay với các đối tượng này.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Thường xuyên
7	Thiết lập và vận hành hiệu quả Cổng một cửa đầu tư quốc gia để thu hút, xúc tiến và giải quyết các thủ tục đầu tư theo mô hình một cửa.	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Năm 2026
V	**Hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế nhà nước phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.**			

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
1	Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Trong đó, chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm: (i) Thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn, tạo cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao công nghệ; và (ii) Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các quốc gia tiên tiến, nhất là trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn và năng lượng tái tạo.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
2	Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Các bộ, ngành Trung ương		Thường xuyên
3	Sửa đổi, bổ sung Luật Du lịch năm 2017 theo hướng quy định các khu, điểm du lịch phải được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh, điểm du lịch mới được tổ chức kinh doanh hoạt động du lịch nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch; nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch		Năm 2026
4	Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, nông nghiệp, nông thôn gắn với việc xây dựng thương hiệu đặc trưng của địa phương.	Các địa phương		Thường xuyên
5	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực số và nhân lực công nghệ cao, có khả năng làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
VI	**Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh. Xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ đầy đủ, chuyên nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh.**			
1	Rà soát, sửa đổi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thể chế hóa đầy đủ định hướng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Tháng 6/2026
2	Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
3	Đa dạng hóa và phát triển hiệu quả hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung, hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
4	Triển khai sâu rộng các hoạt động cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong nước. Đặc biệt, chú trọng tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường xuất khẩu, trong đó ưu tiên gắn kết cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước với cơ quan thương vụ các nước. Đồng thời, hỗ trợ hàng hóa trong nước tiếp cận mạng lưới hệ thống bán lẻ tại nước ngoài.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
5	Kịp thời cập nhật, tuyên truyền, phổ biến về các hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại trong thương mại quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp chủ động	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	nắm bắt, ứng phó kịp thời với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.			
6	Chủ động rà soát và cập nhật, chuẩn hoá thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về ngành hàng; thị trường; quy định, tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu của các nước và các cam kết theo các Hiệp định thương mại tự do và các cam kết quốc tế khác. Thực hiện hỗ trợ miễn phí các thông tin này cho doanh nghiệp.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
7	Tuyên truyền và nâng cao hiệu quả công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Thường xuyên
8	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực,... tương ứng với các nhiệm vụ được giao trong các văn bản pháp luật có liên quan.	Các bộ, ngành, địa phương	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề	Thường xuyên
9	Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng các mô hình chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững.	Các bộ, ngành, địa phương	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
10	Nâng cao chất lượng các kênh phản ánh thông tin từ người dân, doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
VII	**Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra (bao gồm cả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa), giảm gánh nặng cho doanh nghiệp.**			
1	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo hướng chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lắp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật	Các bộ, ngành, địa phương		Năm 2026
2	Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp.	Các bộ, ngành, địa phương		Thường xuyên
3	Tiếp tục rà soát, cắt giảm danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để tạo điều kiện thuận lợi thương mại.	Các bộ quản lý danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành.		
4	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất sửa đổi chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giải pháp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; kiểm tra chuyên ngành đối với	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh; quản lý, vận hành, trao đổi, chia sẻ dữ liệu thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.			
5	Nghiên cứu, kiến nghị xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu tập trung để thực hiện quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành của các bộ, cơ quan, địa phương thống nhất trên phạm vi cả nước.	Thanh tra Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Năm 2026
6	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất sửa đổi chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan kiểm tra, thanh tra.	Thanh tra Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Năm 2026